

Bản tin chứng khoán

Trong số này

Nhận định **P.1**

Phân tích Kỹ Thuật **P.3**

Kết quả kinh doanh **P.4**

Tin tức doanh nghiệp **P.6**

Độ rộng thị trường



Tăng giảm nhóm ngành

Nhựa, cao su & sợi	2.0%
Sản xuất ô tô	1.9%
Thực phẩm	1.6%
Thép và sản phẩm thép	0.9%
Lốp xe	0.8%
Vận tải Thủy	0.7%
Ngân hàng	0.6%
Sản xuất & Phân phối Điện	0.6%
Dược phẩm	-0.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo...	-0.3%
Dịch vụ vận tải	-0.4%
Phân phối hàng chuyên dụng	-0.7%
Xây dựng	-0.7%
Hàng May mặc	-1.4%
Nuôi trồng nông & hải sản	-1.6%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	-2.8%

Thị trường suy yếu trong phiên với thanh khoản thấp đáng kể. Nhóm cổ phiếu Penny bắt đầu mất động lực và suy yếu. Độ rộng thị trường thu hẹp với 125 mã xanh so với 153 mã giảm. Giá trị giao dịch trong ngày chỉ còn 4000 tỷ ở cả hai sàn, giảm hơn 20% so với các phiên trước. Giao dịch khối ngoại cũng giảm mạnh so với trung bình.

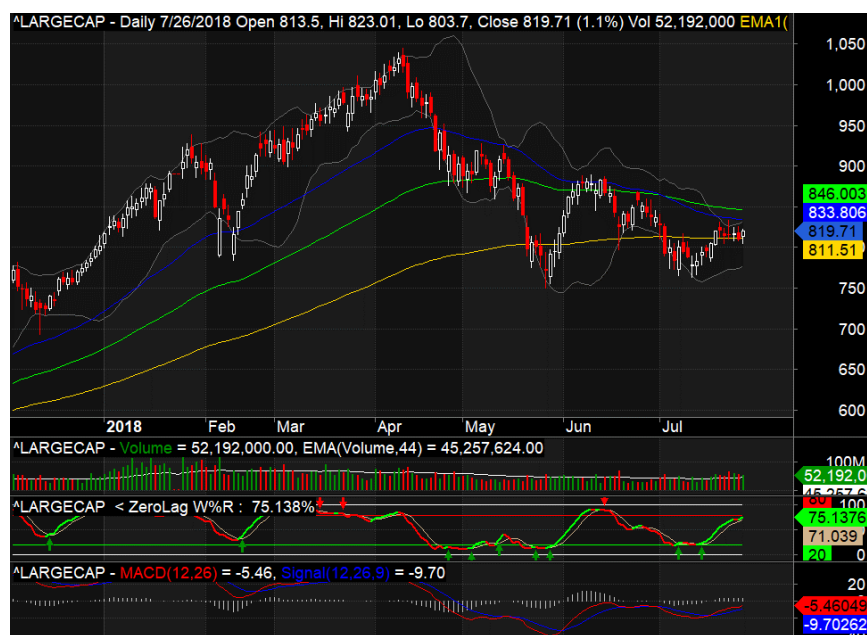
Các nhóm ngành tăng tốt nhất trong ngày có Nhựa, cao su, thực phẩm, thép ở các cổ phiếu điển hình như HRC, TPC, HNM, HPG. Nhóm thiết bị và dịch vụ dầu khí trong nhóm giảm mạnh nhất, ở các cổ phiếu PVS, PVD, PVE.



Chỉ số Vnindex đóng cửa tăng nhẹ 2.5 điểm. Xu hướng đang củng cố sau khi có đợt hồi phục ngắn. Thanh khoản tăng khoảng 20% so với trước đây cho thấy dòng tiền đang quay lại thị trường. Thị trường cần duy trì giao dịch trên 200 triệu cổ phiếu mỗi phiên để duy trì động lực tăng trong ngắn hạn. Nếu không đường giá có thể suy yếu và rơi xuống trở lại.



Nhóm cổ phiếu Large Cap



Đường giá của nhóm cổ phiếu LargeCap khá tương đồng với chỉ số Vnindex. Đường giá đang đi ngang trượt trên đường EMA 200 theo xu hướng tích cực nhờ yếu tố thanh khoản tăng trở lại.

Dao động đang thu hẹp với dải Bollinger co lại và có xu hướng đi ngang. Xu hướng của nhóm cổ phiếu là tích lũy trong ngắn hạn chờ đợt bùng nổ tạo xu thế mới.

Nhóm cổ phiếu trong nhóm nổi bật VIC, MWG, CTD, FPT, VNM đang giữ giá tốt.

Nhóm cổ phiếu đang tạo đáy: HDB, VPB, SSI, BID, STB

Tín hiệu kỹ thuật nhóm cổ phiếu Large Cap tiêu biểu

Ticker	Close	% So với đỉnh	% so với đáy	Vol3T	RSI	StochK	Hỗ trợ mạnh	Xu hướng
BID	24.1	-47.0%	11.6%	3,276,764	42.9	21.7	22	Trung tính
PNJ	90.0	-34.4%	18.4%	486,511	39.1	7.7	76	Tích cực
STB	11.3	-33.9%	16.5%	4,877,681	56.5	48.3	10	Tích cực
ACB	34.8	-31.9%	16.4%	4,731,173	48.2	28.1	30	Tích cực
MBB	22.5	-30.3%	16.0%	5,396,623	54.6	24.9	19.4	Tích cực
MSN	81.0	-29.3%	9.6%	949,569	90.8	65.8	75	Trung tính
VJC	136.9	-27.6%	11.8%	529,638	54.2	47.7	122.5	Trung Tính
VCB	56.7	-24.1%	21.2%	2,604,401	57.2	40	50	Tích cực
HPG	36.5	-23.3%	8.0%	5,681,096	55.1	27.5	33.8	Trung tính
FPT	42.5	-22.2%	9.5%	948,221	65.4	51.2	38.8	Tích cực
VNM	171.5	-19.2%	6.8%	697,430	75.3	56.9	160.6	Trung tính
REE	33.9	-17.5%	14.5%	388,125	73	63.3	30	Trung tính
MWG	110.0	-16.9%	13.9%	685,960	43	15.9	100	Tích cực
VIC	106.0	-4.9%	64.1%	1,680,054	70.4	58.1	102	Trung tính



Nhóm cổ phiếu Mid Cap - Penny



Đường giá của nhóm cổ phiếu MidCap đang có sự hồi phục nhẹ tuy nhiên so với vùng đỉnh cao 2018 chưa cải thiện được nhiều. Tuy nhiên mặt bằng giá chung của nhóm mid cap và Penny đã khá thấp so với bình quân thị trường.

Một số cổ phiếu trong nhóm đang có sự hồi phục rất tốt như HNG, HAG, ASM,

Nhóm cổ phiếu hầu như đứng giá và đang ở vùng tích lũy NT2, PPC, VHC.

Tín hiệu kỹ thuật nhóm cổ phiếu Mid Cap - Penny tiêu biểu

Ticker	Close	% So với đỉnh	% so với đáy	Vol3T	RSI	StochK	Hỗ trợ mạnh	Xu hướng
DIG	15.0	-47.4%	9.5%	1,685,946	45	26.9	13.7	Trung tính
VND	17.5	-46.6%	13.6%	1,606,456	47.2	29.7	15.4	Trung tính
LDG	12.6	-43.5%	26.0%	1,139,626	59.4	31	10	Tích cực
HCM	52.5	-41.7%	11.7%	319,931	48.9	22.1	47	Tích cực
SCR	8.9	-38.2%	12.7%	2,308,162	55.8	65.9	7.9	Tích cực
HDG	36.3	-32.1%	10.7%	118,437	80.2	89.9	32.8	Tích cực
QCG	9.8	-31.9%	27.3%	1,092,192	90.2	95.4	7.7	Tích cực
DXG	25.0	-29.0%	24.4%	4,071,769	67.2	58.1	20.1	Tích cực
DPM	18.0	-27.1%	15.4%	855,485	67.3	61.9	15.6	Trung tính
DCM	10.3	-27.0%	3.0%	346,916	52.9	16.7	10	Trung tính
KBC	11.9	-21.2%	8.2%	2,195,155	57.5	55.6	11	Trung tính
FLC	5.8	-12.1%	28.9%	8,526,230	69.1	79.7	4.5	Trung tính
HNG	15.3	-7.3%	146.8%	3,315,347	62.2	73.3	10	Tích cực

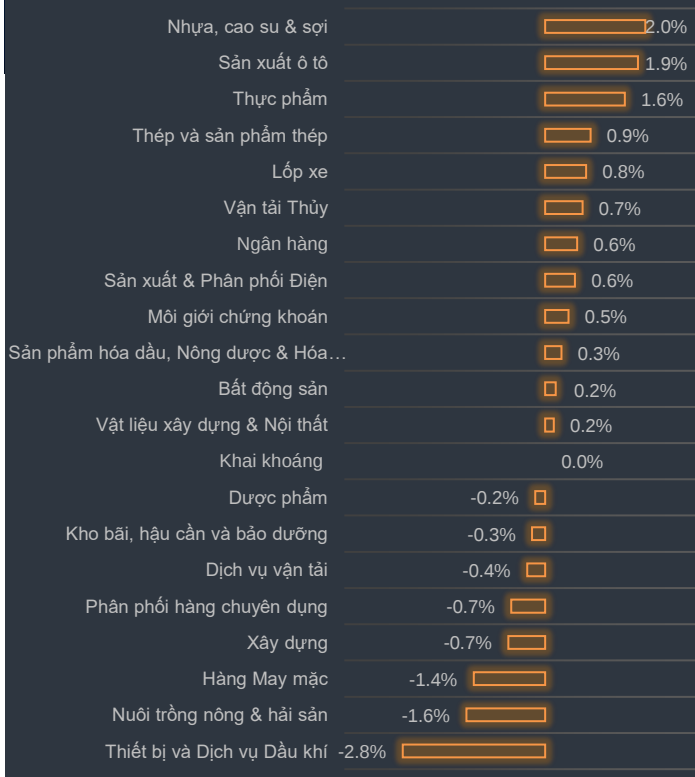


Kết quả kinh doanh quý 2 một số doanh nghiệp đáng chú ý

Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng				EPS 4quý	P/E Hiện tại
		Q2/2018	+/-Cùng kỳ (%)	Lũy kế 6T2018	LN 4quý		
ABT	HOSE	29.36	526	38.36	54.17	4,712	8.6
AGM	HOSE	7.72	236.7	10.96	16.73	921	9.8
AGR	HOSE	14.54	(57.1)	26.6	3.28	16	241.2
ANV	HOSE	113.34	310.2	189.2	269.17	2,159	8.6
APC	HOSE	21.13	22.6	34.8	73.55	6,231	5.3
ASP	HOSE	14.42	13.8	20.9	46.10	1,235	5.9
BAX	HNX	5.57	10.3	10.46	25.54	3,115	7.2
BBC	HOSE	7.71	2.2	25.6	97.00	6,290	11.2
BCC	HNX	18.81	150.5	-	na	na	na
BCE	HOSE	13.64	(22.7)	13.7	22.39	746	7.2
BMI	HOSE	65.86	31.2	133.8	206.40	2,259	8.6
BMP	HOSE	139.93	9.4	226.5	469.84	5,739	9.5
BSI	HOSE	122.29	25.6	179.8	234.84	2,182	5.4
BTP	HOSE	6.53	(47.2)	116.0	229.28	3,791	3.0
BTS	HNX	35.5	439	-	na	na	na
BVS	HNX	26.59	(24.6)	55.5	116.36	1,611	11.0
C32	HOSE	35.79	37.4	48.1	98.41	7,202	3.7
CAP	HNX	21.63	1930.7	31.97	36.07	7,578	5.7
CAV	HOSE	81.15	(5.2)	162.8	330.27	5,734	9.7
CCI	HOSE	9.83	19.1	12.0	26.87	1,532	9.7
CCL	HOSE	7.58	413.7	12.74	20.89	440	9.2
CDC	HOSE	8.90	11.1	17.1	30.02	1,911	8.6
CDN	HNX	38.41	12.8	73.9	137.70	1,391	10.7
CHP	HOSE	55.44	(5.3)	-	na	na	na
CIA	HNX	10.11	-	30.17	na	na	na
CIG	HOSE	15.56	1960.6	16.37	19.34	626	6.0
CLC	HOSE	36.70	36.5	64.8	114.20	4,358	6.9
CLH	HNX	7.73	25.8	13.67	29.89	2,989	5.3
CLL	HOSE	22.74	17.0	46.1	91.04	2,678	10.9
CMV	HOSE	5.9	2.8	11.82	23.65	1,954	10.7
CMX	HOSE	13.11	86	17.32	29.30	2,216	2.5
CNG	HOSE	26.83	8.6	42.2	100.04	3,705	7.4
COM	HOSE	21.62	(6.9)	40.0	91.82	6,503	8.8
CSM	HOSE	5.69	(68.4)	9.9	17.53	169	79.8
CSV	HOSE	71.45	22.4	127.8	264.38	5,981	4.9
CTD	HOSE	427.91	3.8	718.2	1,657.81	21,176	7.0
CTS	HOSE	15.23	(59.9)	63.3	104.31	1,069	10.6
CVT	HOSE	38.59	(19.7)	72.6	171.32	6,070	4.0
D2D	HOSE	18.33	127.8	40.3	79.46	7,458	8.8
DAD	HNX	12.22	(2.0)	13.2	9.77	2,096	7.9

Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng			LN 4quý	EPS 4quý	P/E Hiện tại
		Q2/2018	+/- Cùng kỳ (%)	Lũy kế 6T2018			
DAT	HOSE	11.17	83	17.65	31.40	717	23.3
DBC	HNX	82.62	349.2	92.82	312.58	3,774	6.5
DBD	HOSE	41.26	21.6	82.4	na	na	na
DGL	HNX	197.95	402.8	356.7	519.10	5,202	6.5
DGW	HOSE	22.59	10.7	41.7	90.99	2,241	10.2
DHA	HOSE	18.91	3.4	32.8	59.83	3,972	6.9
DHC	HOSE	40.75	159.6	64.1	115.14	3,341	11.7
DHG	HOSE	139.88	(24.7)	311.4	594.95	4,550	21.8
DHT	HNX	17.22	18.6	38.6	87.94	7,001	5.2
DMC	HOSE	55.47	(5.7)	107.6	208.42	6,002	14.2
DNY	HNX	6.11	(47.3)	-	na	na	na
DP3	HNX	34.32	399.0	53.1	73.09	10,748	8.7
DPG	HOSE	30.06	-	50.2	na	na	na
DPM	HOSE	215.03	(6.9)	395.2	648.97	1,658	10.9
DPR	HOSE	47.13	(0.4)	150.4	254.08	6,332	6.1
DRC	HOSE	54.35	56.7	75.1	131.46	1,107	20.6
DRH	HOSE	6.80	(70.6)	19.0	56.17	1,150	12.9
DRL	HOSE	12.65	(34.3)	30.9	59.20	6,232	8.5
DSN	HOSE	38.55	12.0	58.7	93.53	7,741	7.0
DVP	HOSE	78.19	(4.7)	133.6	273.01	6,825	7.1
DXG	HOSE	113.65	121.5	432.2	1,314.68	4,340	5.6
DXP	HNX	6.11	(27.7)	11.0	23.32	898	12.8
EBS	HNX	5.59	(14.2)	-	na	na	na
EID	HNX	24.33	(7.2)	26.4	35.90	2,393	5.6
EVG	HOSE	9.21	8.9	13.9	21.34	711	6.8
FMC	HOSE	32.41	122.9	51.4	129.25	3,314	6.2
FRT	HOSE	82.65	28.3	146.53	na	na	na
FTM	HOSE	13.5	79.2	24.75	44.48	890	21.3
FTS	HOSE	59.36	44.8	122.3	224.65	2,261	5.8
GAS	HOSE	3,122.17	72.6	5,730.2	11,566.78	6,043	13.8
GDT	HOSE	25.39	3.6	43.6	87.99	5,923	7.4
GMX	HNX	8.28	18.3	10.8	21.07	3,964	6.3
GSP	HOSE	21.93	76.6	35.3	61.26	2,042	6.4
GTA	HOSE	5.82	13.4	9.58	16.57	1,685	8.4
HAP	HOSE	9.02	91.4	16.25	23.20	418	9.3
HAT	HNX	17.37	46.8	19.1	34.42	11,023	3.6
HAX	HOSE	33.23	561.5	35.19	100.41	2,868	5.9
HCC	HNX	6.31	(29.8)	10.3	15.49	2,376	6.5
HCD	HOSE	11.07	82.3	17.26	28.40	1,052	12.4
HCM	HOSE	147.24	7.6	471.9	794.25	6,130	8.2
HGM	HNX	5.63	-54.8	18.02	38.26	3,210	14.0
HJS	HNX	22.61	27.0	29.4	44.09	2,100	10.7
HLC	HNX	16.41	(9.2)	22.9	54.73	2,153	2.9
HLD	HNX	17.22	519.8	22.75	74.24	3,712	4.0
HLG	HOSE	20.96	(43.4)	31.3	96.41	2,180	4.2
HMC	HOSE	32.05	166.5	48.3	100.22	4,786	2.8
HQC	HOSE	10.90	(65.5)	21.4	54.95	118	16.6
HSG	HOSE	87.18	-79	420.59	958.31	2,738	4.0
HT1	HOSE	242	108.7	323.71	569.85	1,494	8.2
HTI	HOSE	17.41	7.4	34.33	66.10	2,649	4.5
HTV	HOSE	6.59	24	10.5	20.54	1,568	10.5
HVT	HNX	21.06	59.1	42.25	88.43	8,048	5.7
IDV	HNX	28.16	322.4	36.55	62.63	3,884	8.1
IMP	HOSE	31.06	-8.3	63.94	121.50	2,828	18.0
KHP	HOSE	28.76	218.1	50.16	119.69	2,988	3.2
KHS	HNX	5.71	-	13.56	na	na	na
KSB	HOSE	79.39	-4.2	149.2	282.60	6,038	5.1
L10	HOSE	5.86	-19.3	8.09	22.05	2,252	8.9
L14	HNX	25.67	69.8	37.91	74.52	4,969	6.8
LDG	HOSE	11.52	-85.8	16.35	163.73	1,024	12.2

Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng			LN 4quý	EPS 4quý	P/E Hiện tại
		Q2/2018	+/-Cùng ký(%)	Lũy kế 6T2018			
LHG	HOSE	46.21	297.3	122.18	258.94	5,178	3.6
LIX	HOSE	40.69	1.4	73.96	153.41	4,735	8.5
MBB	HOSE	1491.43	34.6	3040.31	4,566.29	2,515	8.7
MBS	HNX	55.1	985.6	125.87	137.05	1,122	14.3
NBC	HNX	15	53.9	21.34	85.05	2,299	2.7
NCT	HOSE	62.82	11.4	126.97	277.22	10,595	8.1
NDN	HNX	21.18	49.2	48.98	111.21	2,806	5.0
NET	HNX	14.63	-10	28.2	52.20	2,330	9.4
NFC	HNX	9.1	15.7	15.88	20.91	1,329	6.2
NHA	HNX	5.03	-40.2	8.04	18.95	1,485	5.9
NLG	HOSE	183.37	-36.5	215.08	661.26	4,206	7.2
NNC	HOSE	53.2	-2.1	87.53	184.07	8,397	6.1
NSC	HOSE	71.22	46.6	113.95	23.53	1,540	72.5
NT2	HOSE	268.59	41.4	503.65	857.75	2,980	8.8
NTL	HOSE	8.11	33.3	17.73	102.77	1,685	5.8
NTP	HNX	109.37	0.8	149.7	440.12	4,932	8.6
OPC	HOSE	24.03	19.7	51.92	95.39	3,769	12.2
PAC	HOSE	27.75	-50.6	57.18	108.71	2,339	16.9
PDB	HNX	6.92	-	11.26	17.24	1,934	5.3
PDN	HOSE	30.91	32	54.8	91.33	7,396	9.6
PDR	HOSE	88.18	8.4	240.73	563.15	2,537	9.9
PGD	HOSE	98.53	100.6	142.44	271.37	3,015	12.9
PGS	HNX	27.89	-5.2	47.36	102.80	2,056	17.0
PHR	HOSE	103.74	38.9	196.13	389.21	4,959	4.0
PIC	HNX	11.7	6.5	27.76	39.53	1,304	10.7
PLP	HOSE	31.02	-	48.15	100.75	6,717	2.1
PMC	HNX	17.53	3.5	36.52	74.26	7,957	7.3
PME	HOSE	84	3.4	157.12	295.33	4,528	15.5
PNJ	HOSE	180.44	39.9	516.7	864.62	7,998	11.5
PPC	HOSE	524.52	16.2	715.35	957.71	2,987	6.0
PSD	HNX	10.7	-23.4	24.77	65.12	3,063	4.4
PVI	HNX	66.32	-54.3	228.31	523.15	2,283	12.7
QBS	HOSE	12.02	-57.1	22.77	(22.97)	(331)	na
RAL	HOSE	31.67	-8.3	80.71	211.42	18,384	4.6
S4A	HOSE	23.3	-34.6	45.31	129.24	3,062	8.6
SAF	HNX	9.69	25.7	20.84	37.65	4,754	14.7
SC5	HOSE	14.82	47.9	16.16	56.61	3,778	7.4
SCJ	HNX	9.09	261.8	-	na	na	na
SD6	HNX	6.68	-9.1	8.47	25.74	740	7.0
SDG	HNX	18.57	82	27.42	25.95	4,200	6.6
SEB	HNX	36.61	-25	95.95	163.78	8,189	4.4
SED	HNX	21.72	-9.5	28.86	35.62	3,562	5.2
SFC	HOSE	9.37	17.9	15.37	27.12	2,414	9.1
SHP	HOSE	44.15	28.1	-	na	na	na
SHS	HNX	39.5	-62.5	175.27	405.72	4,057	3.3
SJD	HOSE	61.76	-3.7	94.67	198.52	2,877	8.9
SKG	HOSE	62.01	0.7	102.42	170.57	3,555	5.7
SLS	HNX	27.41	163.6	57.65	115.30	11,775	5.3
SMB	HOSE	45.94	37.5	74.99	na	na	na
SMC	HOSE	85.67	90	159.18	284.96	6,785	2.7
SRC	HOSE	7.03	-41	11.98	21.74	775	16.0
SSC	HOSE	27.33	81.1	44.01	23.12	1,711	39.7
SSI	HOSE	320.25	5.2	736.25	1,298.41	2,598	10.2
STB	HOSE	371.28	75.6	768.01	1,476.82	819	13.7
STK	HOSE	43.28	83.9	83.4	132.21	2,206	6.9
SVI	HOSE	15.23	-16.6	29.62	60.70	4,730	8.5
SZL	HOSE	26.59	22.5	54.83	102.53	5,636	5.4
TBC	HOSE	26.96	-1.7	105.61	206.19	3,247	7.4
TCB	HOSE	2100.66	86.7	4149.68	na	na	na
TCL	HOSE	27.1	12.6	48.23	102.64	4,901	5.1
TCM	HOSE	67.19	-4.7	116.17	190.62	3,698	5.1
TCT	HOSE	7.15	42.9	66.41	73.31	5,733	11.1
TDN	HNX	14.53	369	29.48	48.73	1,655	3.0
THT	HNX	10.29	116.2	15.04	35.22	1,433	4.3
TIP	HOSE	11.93	-37.4	23.62	55.37	2,129	6.6
TIX	HOSE	19.68	-67.2	40.89	(37.74)	(1,430)	na
TKC	HNX	7.82	9.9	10.23	24.73	2,305	9.5
TKU	HNX	21.33	-11.7	40.38	72.87	2,426	4.5



Tăng giảm ngành trong ngày

Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: HDC, FDC, NVL

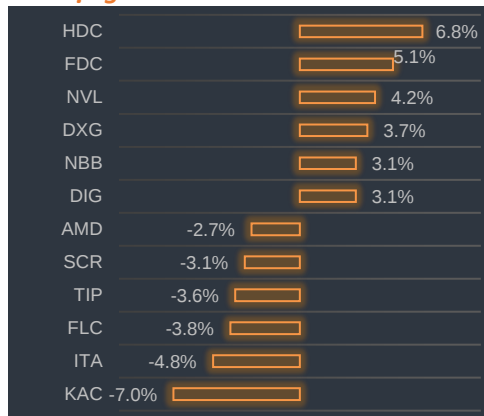
Xây dựng: VCG, PVX, SD5

Dầu khí: PGS, PGD, PVG

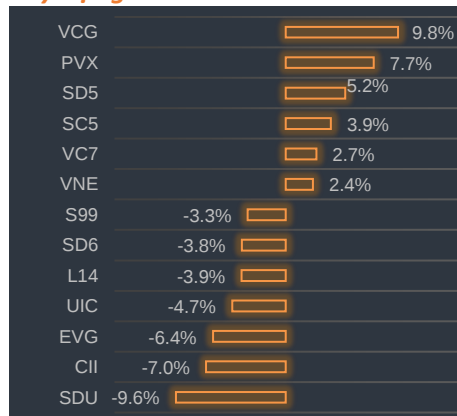
Chứng khoán: HCM, SSI, WSS

Ngân hàng: ACB, MBB, BID

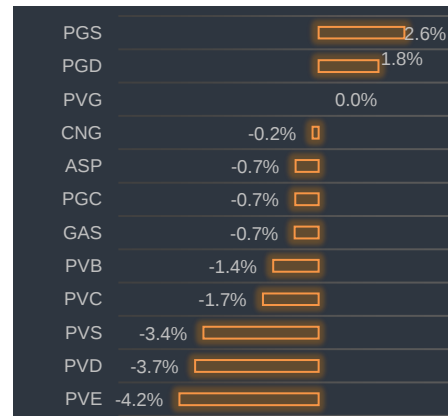
Bất động sản



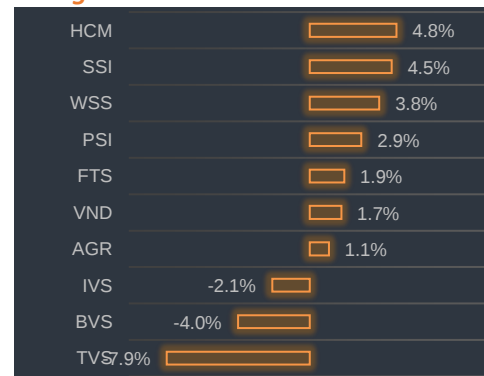
Xây dựng



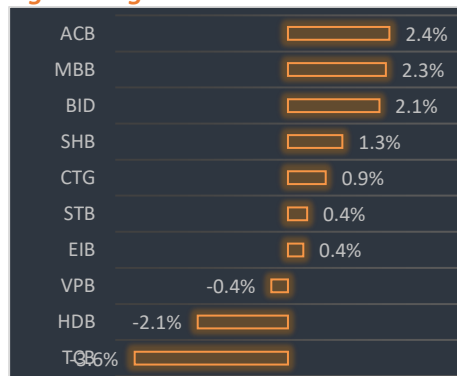
Dầu khí



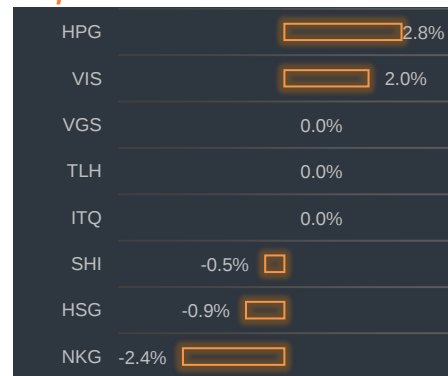
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
Tel: 0983.999.350
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh Sài Gòn

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931